TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÁC ÁI** TỈNH NINH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27-9-2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁC ÁI, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Chamaléa Thị Khuyên.

Bà Mẫu Thị Kim Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hướng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXX-ST ngày 21 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Pinăng Thị X, sinh năm 1978. (Có mặt)

Địa chỉ: thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Xuân L - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh N. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Katơr D, sinh năm 1979. (Vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/6/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Pinăng Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh D chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P vào ngày 18/10/2018. Sau khi kết hôn, hai người sống tại thôn C, xã P, huyện B; Quá trình sống, vợ chồng chị đã làm mất bản chính Giấy chứng nhận kết hôn nên chỉ cung cấp được bản

sao nộp cho Tòa án. Cuộc sống vợ chồng tương đối hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng cãi vã, bất đồng quan điểm; anh D không quan tâm vợ con, lười lao động thường xuyên uống rượu say. Sự việc xảy ra gia đình đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Từ năm 2021 cho đến nay, vợ chồng không còn sống chung, bỏ mặc mạnh ai nấy sống, không quan tâm gì đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị X yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị và anh D có 03 (ba) người con chung là Pinăng M, sinh năm 1996; Pinăng Thị D1, sinh năm 2000 và cháu Pinăng Thị K, sinh ngày 11/6/2006.

Hiện nay, chị đang làm thuê, thu nhập tương đối ổn định, đủ trang trải cuộc sống và lo cho con.

Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Pinăng Thị K, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung là Pinăng M, Pinăng Thị D1 đã thành niên và có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Katơr D: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng, triệu tập anh Katơr D đến giải quyết vụ việc ly hôn với chị X, nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời khai, không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh D cố tình vắng mặt không có lý do. Chị X yêu cầu giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Xuân L đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị X được ly hôn với anh D. Giao cháu Pinăng Thị K, sinh ngày 11/6/2006 cho chị X được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị X không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung là Pinăng M, Pinăng Thị D1 đã thành niên và có khả năng lao động nên chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, cụ thể như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 76 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình, nhiều lần vắng mặt không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227,

khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn cư trú tại xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bác Ái theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hôn nhân giữa chị X và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị X có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về hôn nhân: Chị X được ly hôn với anh D.

- Về con chung: Giao cháu Pinăng Thị K, sinh ngày 11/6/2006 cho chị X được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho chị X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Chị X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với anh D. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận.

Tòa án đã niêm yết công khai giấy báo lần thứ nhất, lần thứ hai triệu tập anh D đến Tòa án để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị X và anh D chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P vào ngày 18/10/2018 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng tương đối hạnh phúc, về sau do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã; anh D không quan tâm vợ con, lười lao động thường xuyên uống rượu nên mâu thuẫn gia đình xảy ra và ngày càng trầm trọng. Sự việc đã được gia đình hòa giải nhưng không thành. Kể từ năm 2021 cho đến nay, hai người không còn sống chung, bỏ mặc mạnh ai nấy sống, không quan tâm gì đến nhau.

Tòa án đã thông báo về phiên hòa giải, niêm yết công khai các văn bản tố tụng để anh D tham gia phiên tòa nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do. Chứng tỏ anh đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình, anh D không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân giữa anh với chị X.

Qua xác minh tại địa phương cho thấy: Mâu thuẫn giữa chị X và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc chị X yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là có cơ sở, phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát, nên yêu cầu ly hôn của chị X được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. Về con chung: Có 03 (ba) người con chung là Pinăng M, sinh năm 1996; Pinăng Thị D1, sinh năm 2000 và cháu Pinăng Thị K, sinh ngày 11/6/2006. Hiện nay, chị X đi làm thuê, thu nhập tương đối ổn định, đủ trang trải cuộc sống và lo cho con. Khi ly hôn, chị X yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Pinăng Thị K, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trong thời gian trước đây và hiện nay con chung đều do chị X nuôi dưỡng và đảm bảo được sự phát triển của con. Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/7/2023 của cháu K, cháu có nguyện vọng được sống với mẹ. Xét thấy, chị X có đủ khả năng và điều kiện nuôi dưỡng con chung, phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Pinăng Thị K cho chị X được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị X không có yêu cầu.

Đối với con chung là Pinăng M và Pinăng Thị D1 đã thành niên và có khả năng lao động, chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Pinăng Thị X là đồng bào dân tộc thiểu số sống ở xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Chị X đã làm đơn xin miễn nộp tiền án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho chị X.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Pinăng Thị X.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Pinăng Thị X được ly hôn với anh Katơr D.

2. Về con chung: Giao cháu Pinăng Thị K, sinh ngày 11/6/2006 cho chị Pinăng Thị X được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Katơr D không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Pinăng Thị X không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Pinăng Thị X.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Bác Ái;
- Chi cục THADS huyện Bác Ái;
- UBND xã Phước Thắng;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- Lưu.

Phạm Thị Kim Đồng